

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40 /2019/ HNGĐ - ST

Ngày 06 - 8 - 2019

"Về việc ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Khắc Tuyn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Tuấn.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Nhâm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Hằng – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tập - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24 /2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Viết T.

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H.

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Viết T trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện kết hôn vào ngày 21 tháng 01 năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại thôn An, xã T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm và nhiều vấn đề khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh và chị H đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2018. Mâu thuẫn giữa anh và chị H đã được gia đình hai bên động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm dành cho chị H không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh đề nghị được ly hôn chị H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị Nguyễn Thị Thu H có hai con chung tên là Nguyễn Viết T1, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nguyễn Viết Th, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2016. Thời gian vợ chồng sống ly thân, các con chung vẫn ở cùng anh, khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh tự thỏa thuận với chị H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Viết T giống như anh T đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng quan điểm và do chị có con riêng cũng sống cùng anh T nên thường xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 02 năm 2018, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay anh T đề nghị ly hôn, chị có quan điểm đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Về con chung, chị và anh T có hai con chung như anh T đã trình bày. Thời gian vợ chồng ly thân, các con chung vẫn ở cùng anh T. Nếu vợ chồng ly hôn, chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng cho các con nếu anh T yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giải quyết cho anh Nguyễn Viết T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H. Giao các con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Thủ tục thụ lý, thẩm quyền giải quyết đơn khởi kiện của anh Nguyễn Viết T và việc tiến hành các thủ tục tố tụng khác Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và dẫn đến hai người sống ly thân từ tháng 02 năm 2018, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã mở các phiên họp, phiên hòa giải để các bên có điều kiện gặp gỡ, thỏa thuận với nhau những vấn đề có tranh chấp. Chị H đã biết về thời gian, địa điểm mở các phiên họp, phiên hòa giải nhưng đều vắng mặt và có quan điểm đồng ý ly hôn anh T.

Từ đó xác định: Anh Nguyễn Viết T và chị Nguyễn Thị Thu H không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cần chấp nhận cho anh T được ly hôn chị H theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] *Về con chung*: Các đương sự đều xác định vợ chồng có hai con chung tên là Nguyễn Viết T1, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nguyễn Viết Th, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2016. Trong thời gian vợ chồng ly thân, các con chung vẫn ở cùng anh T, được nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển bình thường. Khi ly hôn, anh T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành và chị H có quan điểm cũng đồng ý với đề nghị của anh T.

Do đó, cần giao các con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Trong quá trình nuôi dưỡng các con chưa thành niên, nếu xét thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện hoặc lợi ích của con chưa thành niên không được đảm bảo thì căn cứ Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, các đương sự hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Viết T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Viết T được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

2. *Về con chung:* Anh Nguyễn Viết T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con tên là Nguyễn Viết T1, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2016 và Nguyễn Viết Th, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2016 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Nguyễn Thị Thu H không phải cấp dưỡng cho các con.

Chị Nguyễn Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Anh Nguyễn Viết T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí:* Anh Nguyễn Viết T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0003812 ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện KSND thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khắc Tuyền

